

HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ CÔNG TÁC BỒI THƯỜNG NHÀ NƯỚC

• ThS. Trần Việt Hưng*

Tóm tắt: Quản lý nhà nước về công tác bồi thường nhà nước đã có một quá trình hoàn thiện cả về thể chế và tổ chức thi hành để bảo đảm tính hiệu quả, khả thi của cơ chế bồi thường nhà nước. Bên cạnh việc hỗ trợ, giải đáp cho các cá nhân, tổ chức bị thiệt hại, giúp họ thực hiện tốt quyền yêu cầu bồi thường thì hoạt động quản lý nhà nước về công tác bồi thường nhà nước còn tập trung kiểm tra, theo dõi chặt chẽ, đôn đốc và hướng dẫn các cơ quan giải quyết bồi thường thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình kịp thời, đúng quy định của pháp luật.

Từ khóa: Quản lý nhà nước; công tác bồi thường nhà nước; trách nhiệm bồi thường của Nhà nước.

Abstract: The state management of state compensation has had a process of completing in terms of both institution and organisation of law enforcement to ensure the effectiveness and feasibility of the state compensation mechanism. In addition to providing support and answers to affected individuals and organizations, helping them to well exercise their right to claim compensation, state management of state compensation also focuses on checking, close monitoring, urging and guiding agencies in charge of compensation settlement to perform their tasks and powers in a timely manner and in accordance with law.

Keywords: State management; the work of state compensation; State compensation liability.

Ngày nhận: 18/8/2021 Ngày phản biện, đánh giá: 26/8/2021 Ngày duyệt: 15/9/2021

Theo quan niệm khoa học pháp lý và dưới góc độ pháp luật thực định ở Việt Nam thì trách nhiệm bồi thường của Nhà nước (TNBTCNN) được xác định là một quan hệ pháp luật dân sự về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng. Trong đó, bên bị thiệt hại (các tổ chức, cá nhân) có quyền yêu cầu bên gây thiệt hại (Nhà nước) bồi thường hoặc có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết bồi thường. Tuy nhiên, nếu TNBTCNN cũng giống như trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng theo quy định chung như vậy thì liệu có cần

(*) Cục Bồi thường nhà nước, Bộ Tư pháp. Email: hungtv@moj.gov.vn.



Đồng chí Nguyễn Thanh Tịnh, Thứ trưởng Bộ Tư pháp chỉ đạo triển khai công tác bồi thường nhà nước năm 2021.

thiết phải có một luật riêng để điều chỉnh vấn đề TNBTCNN hay không? Nếu một người dân gửi yêu cầu bồi thường của mình tới một cơ quan nhà nước để yêu cầu bồi thường mà yêu cầu của họ không được tiếp nhận, giải quyết thì cơ chế nào buộc cơ quan đó phải tiếp nhận, giải quyết? Nếu một yêu cầu bồi thường đã được tiếp nhận, thụ lý, giải quyết nhưng bị chậm trễ, kéo dài thì cơ quan nào có trách nhiệm chỉ đạo, đôn đốc cơ quan giải quyết bồi thường để thúc đẩy việc giải quyết bồi thường? Nếu một cơ quan nhà nước khi thương lượng, giải quyết bồi thường với bên yêu cầu bồi thường mà có khó khăn, vướng mắc thì chủ thể nào giúp giải đáp, tháo gỡ? Nếu giữa các cơ quan liên quan có sự đùn đẩy trách nhiệm giải quyết bồi thường thì việc xác định trách nhiệm cụ thể thuộc về cơ quan nào, ai quyết định; trình tự, thủ

tục quyết định như thế nào? Nếu cần phải có sự phối hợp giữa các cơ quan để thống nhất trong nhận thức và áp dụng pháp luật, giải quyết triệt để các yêu cầu bồi thường của người dân thì cá nhân, cơ quan nào sẽ giữ vai trò đầu mối, chủ trì để các cơ quan thống nhất phối hợp thực hiện? Nếu cá nhân, tổ chức bị thiệt hại mong muốn được hướng dẫn vận dụng pháp luật, giải đáp những khúc mắc của họ để thực hiện quyền yêu cầu bồi thường của mình thì cơ quan, tổ chức nào sẽ hướng dẫn, giải đáp cho họ... Tất cả những câu hỏi đó đã được đặt ra trong thực tiễn thực hiện quy định của Bộ luật Dân sự (BLDS) năm 1995 và các văn bản quy phạm pháp luật về bồi thường nhà nước (BTNN). Để trả lời những câu hỏi này đã dẫn tới việc hình thành chế định quản lý nhà nước (QLNN) mới - QLNN về công tác BTNN.

1. Khái quát quá trình hình thành quy định về quản lý nhà nước trong công tác bồi thường nhà nước

Thực tiễn thi hành Nghị định số 47/CP ngày 03/5/1997 của Chính phủ về việc giải quyết bồi thường thiệt hại do công chức, viên chức nhà nước, người có thẩm quyền của cơ quan tiến hành tố tụng gây ra (Nghị định số 47) và Nghị quyết số 388/2003/NQ-UBTVQH11 ngày 17/3/2003 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về bồi thường thiệt hại cho người bị oan do người có thẩm quyền trong hoạt động tố tụng hình sự gây ra (Nghị quyết 388) cho thấy, do các văn bản này chưa quy định đầy đủ vấn đề QLNN về công tác BTNN nên tính hiệu lực, hiệu quả của việc thi hành còn hạn chế.

Quá trình xây dựng và trình dự án Luật BTNN trước đây có các ý kiến rất khác nhau về vấn đề này. Dưới góc độ bảo đảm tính khả thi của Luật BTNN, quan điểm của cơ quan chủ trì soạn thảo (Bộ Tư pháp) cho rằng, do hoạt động BTNN được xem là một nhiệm vụ mới của Nhà nước nên cần có quy định về nội dung QLNN đối với hoạt động này¹. Ngược lại, theo quan điểm của cơ quan thẩm tra dự án Luật, không nên coi BTNN là một lĩnh vực QLNN mà là trách nhiệm của Nhà nước đối với công dân, bởi việc xác định QLNN về công tác bồi thường là một lĩnh vực QLNN

sẽ hình thành nên một hệ thống tổ chức giúp Chính phủ, UBND cấp tỉnh thực hiện QLNN, như vậy là không hợp lý và không phù hợp chủ trương cải cách hành chính và tinh giản biên chế của Nhà nước ta².

Chính vì vậy, trong quá trình nghiên cứu ý kiến của các đại biểu Quốc hội về vấn đề này, cơ quan chủ trì soạn thảo đã phản ánh thực tiễn về tính kém hiệu quả trong thi hành Nghị định số 47/CP và Nghị quyết số 388. Theo đó, nếu không có cơ quan nhà nước được giao trách nhiệm chính trong việc theo dõi, tổng kết, đánh giá, chủ trì soạn thảo các văn bản hướng dẫn thi hành thì các văn bản quy phạm pháp luật này không đạt hiệu quả tốt. Ví dụ, năm 2003, Nghị quyết 388 được Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành nhưng không phát huy được tác dụng ngay vì thiếu một cơ quan đầu mối để chủ trì thực hiện các công việc, nhất là việc soạn thảo các văn bản hướng dẫn thi hành Nghị quyết. Chỉ sau khi Viện Kiểm sát nhân dân tối cao được xác định là cơ quan có chức năng này thì việc triển khai thực hiện Nghị quyết 388 mới đi vào nền nếp và việc giải quyết bồi thường trong lĩnh vực tố tụng hình sự mới đạt kết quả khả quan. Vì vậy, Luật BTNN cũng sẽ khó phát huy tác dụng nếu không có cơ quan nào được Quốc hội quyết định giao thực hiện nhiệm vụ QLNN đối với công tác BTNN³.

2. Quản lý nhà nước về công tác bồi thường nhà nước theo quy định của Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2009

Theo quy định của Luật TNBTCNN năm 2009 và các văn bản hướng dẫn thi hành thì *Quản lý nhà nước về công tác BTNN có thể hiểu là sự tác động có tổ chức và bằng quyền lực nhà nước đến các hoạt động thực hiện pháp luật về trách nhiệm bồi thường của Nhà nước, do các cơ quan QLNN về công tác bồi thường từ trung ương đến địa phương tiến hành để thực hiện các chức năng, nhiệm vụ được Nhà nước giao, nhằm đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động QLNN về công tác bồi thường*⁴. Chế định QLNN về công tác BTNN được quy định tại Điều 11 Luật TNBTCNN năm 2009 và để tổ chức thực hiện nhiệm vụ QLNN về công tác BTNN trên thực tiễn, các cơ quan có thẩm quyền đã ban hành 10 Nghị định, Thông tư và Thông tư liên tịch.

Đặc điểm rõ nét nhất của QLNN về công tác BTNN là sự “*phân tán*” trong phân công trách nhiệm QLNN. Tính “*phân tán*” thể hiện ở chỗ, không có một cơ quan thống nhất QLNN về công tác BTNN trên tất cả lĩnh vực mà tùy theo lĩnh vực hoạt động phát sinh TNBTCNN thì tương ứng sẽ có cơ quan QLNN về lĩnh vực đó. Cụ thể, Chính phủ chỉ thống nhất QLNN về công tác BTNN trong hoạt động quản lý hành chính và thi hành án, Bộ Tư

pháp giúp Chính phủ thực hiện nhiệm vụ này. Từng Bộ, cơ quan ngang Bộ quản lý nhà nước về công tác BTNN trong hoạt động quản lý hành chính trong phạm vi Bộ, ngành mình. Một số Bộ có lĩnh vực hoạt động có khả năng phát sinh TNBTCNN rộng thì quản lý công tác BTNN trong các lĩnh vực phát sinh thuộc phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình (như Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn). Tòa án nhân dân tối cao và Viện Kiểm sát nhân dân tối cao quản lý công tác bồi thường trong hoạt động tố tụng trong phạm vi ngành mình. Ở địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và cấp huyện QLNN về công tác BTNN trong hoạt động quản lý hành chính trên phạm vi địa phương mình.

Quản lý nhà nước về công tác BTNN trong giai đoạn này có nội dung đa dạng, trong đó, có những nội dung QLNN chung (như phổ biến, giáo dục pháp luật, xây dựng văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật...) và có những nội dung QLNN chuyên ngành về công tác BTNN (như theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, hướng dẫn nghiệp vụ công tác BTNN...).

Trong hơn 6 năm thi hành Luật TNBTCNN năm 2009, QLNN về công tác BTNN giữ vai trò hết sức quan trọng trong việc bảo đảm tính khả thi của cơ chế bồi thường thiệt hại do người thi hành công vụ gây ra. Để hỗ

trợ, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho các cơ quan nhà nước phát sinh vụ việc, cơ quan QLNN các cấp đã tiếp nhận 114 trường hợp đề nghị hướng dẫn nghiệp vụ công tác BTNN, ban hành 134 văn bản hướng dẫn. Đối với cá nhân, tổ chức bị thiệt hại, số lượng đề nghị được hỗ trợ, hướng dẫn và giải đáp là 130 trường hợp và cơ quan QLNN đã ban hành 189 văn bản trả lời. Các hoạt động kiểm tra định kỳ và kiểm tra công tác BTNN được tiến hành tại 34 tỉnh, thành phố, hoạt động kiểm tra liên ngành cũng được liên ngành thực hiện tại 06 tỉnh, thành phố và 02 Bộ, ngành. Hàng năm, hoạt động theo dõi công tác BTNN cũng được tiến hành đều đặn tại 7 - 9 địa phương đối với các vụ việc phức tạp⁵.

Có thể nói rằng, trên cơ sở kết quả các nhiệm vụ quản lý chuyên ngành về công tác BTNN, cơ quan QLNN đã hỗ trợ, tháo gỡ cho cả hai bên là bên gây thiệt hại (cơ quan có trách nhiệm bồi thường) và bên bị thiệt hại. Số lượng vụ việc giải quyết bồi thường được các cơ quan có trách nhiệm bồi thường thụ lý, giải quyết 258 vụ việc yêu cầu bồi thường thiệt hại (trong đó cơ quan giải quyết bồi thường tại Trung ương giải quyết 05 vụ việc, tại cấp tỉnh giải quyết 88 vụ việc, tại cấp huyện và cấp xã giải quyết 165 vụ việc), đã giải quyết được 204/258 vụ việc (đạt tỷ lệ 79%), với tổng số tiền nhà nước phải bồi thường là 111.149.416.000 đồng⁶.

3. Quản lý nhà nước về công tác bồi thường nhà nước theo quy định của Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2017

3.1. Khái quát các quy định sửa đổi về quản lý nhà nước về công tác bồi thường nhà nước theo Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2017

So với Điều 11 Luật TNBTCNN năm 2009, Luật TNBTCNN năm 2017 đã dành hẳn 01 Chương để quy định về trách nhiệm của các cơ quan nhà nước trong công tác BTNN, trong đó, quy định về nội dung QLNN về công tác BTNN và trách nhiệm của từng cơ quan trong thực hiện và phối hợp thực hiện QLNN về công tác BTNN.

Có thể nói, Luật TNBTCNN năm 2017 đã sửa đổi toàn diện các quy định về QLNN về công tác BTNN, cụ thể là:

Thứ nhất, quy định thống nhất QLNN về công tác BTNN trong ba hoạt động quản lý hành chính, tổ tụng và thi hành án. Việc quy định thống nhất QLNN về công tác BTNN như trên là nhằm:

(1) Khắc phục tình trạng “*phân tán*” trong QLNN theo quy định của Luật TNBTCNN năm 2009 và các văn bản hướng dẫn thi hành. Tình trạng “*phân tán*” trong QLNN về công tác BTNN nên dẫn tới việc không có cơ quan nào được giao thống nhất QLNN về công tác bồi thường nhà nước trong ba hoạt động trên phạm vi cả nước. Hệ

quả là hiệu lực, hiệu quả của QLNN về công tác bồi thường không đạt được như mong muốn. Bên cạnh đó, việc QLNN về công tác BTNN không được thực hiện thống nhất nên việc phối hợp nắm bắt tổng thể tình hình thực hiện công tác bồi thường giữa các lĩnh vực thuộc phạm vi điều chỉnh cũng gặp nhiều khó khăn.⁷

(2) Bảo đảm sự phù hợp với quy định của Luật Tổ chức Chính phủ năm 2015, cụ thể, theo quy định của Luật này thì Chính phủ “thống nhất quản lý công tác hành chính tư pháp, hỗ trợ tư pháp, BTNN, thi hành án” (khoản 3 Điều 6 Luật Tổ chức Chính phủ năm 2015).

Thứ hai, thu gọn đầu mối cơ quan QLNN về công tác BTNN. Trước đây có tới 06 cơ quan có thẩm quyền QLNN về công tác BTNN theo quy định của Luật TNBTCNN năm 2009 và các văn bản hướng dẫn thi hành⁸, thì nay, chỉ còn 03 cơ quan có thẩm quyền QLNN về công tác BTNN, bao gồm: Chính phủ, Bộ Tư pháp và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Thứ ba, chuyển một số nhiệm vụ trước đây thuộc trách nhiệm của các cơ quan - mà trước đây được Luật TNBTCNN năm 2009 và các văn bản hướng dẫn thi hành quy định là cơ quan QLNN về công tác BTNN - để quy định tập trung cho cơ quan QLNN về công tác BTNN theo Luật TNBTCNN 2017 (ví dụ: nhiệm vụ xác định cơ quan giải quyết bồi thường

hoặc hướng dẫn người bị thiệt hại thực hiện thủ tục yêu cầu bồi thường...); đồng thời, bổ sung một số nhiệm vụ mới cho cơ quan QLNN về công tác BTNN (như nhiệm vụ ban hành biểu mẫu, sổ sách về công tác BTNN hoặc yêu cầu Thủ trưởng cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại hủy quyết định giải quyết bồi thường trong trường hợp có một trong các căn cứ quy định tại khoản 1 và điểm a khoản 3 Điều 48 của Luật TNBTCNN mà không ra quyết định hủy).

3.2. Trách nhiệm cụ thể của các cơ quan trong công tác bồi thường nhà nước

a) Trách nhiệm quản lý nhà nước về công tác bồi thường nhà nước

Điều 73 Luật TNBTCNN năm 2017 quy định về trách nhiệm QLNN về công tác BTNN như sau:

(1) Về trách nhiệm thống nhất QLNN. Chính phủ là cơ quan được Luật giao trách nhiệm thống nhất QLNN về công tác BTNN trong hoạt động quản lý hành chính, tổ tụng và thi hành án trên phạm vi cả nước.

(2) Về cơ quan giúp Chính phủ thực hiện thống nhất QLNN. Bộ Tư pháp là cơ quan đầu mối giúp Chính phủ thực hiện QLNN về công tác BTNN và có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

- Xây dựng chiến lược, chính sách về công tác BTNN;
- Ban hành theo thẩm quyền hoặc

TRÁCH NHIỆM BỒI THƯỜNG CỦA NHÀ NƯỚC

trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành văn bản quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước; ban hành biểu mẫu, sổ sách về công tác BTNN;

- Hướng dẫn, bồi dưỡng kỹ năng, nghiệp vụ công tác BTNN; giải đáp vướng mắc trong việc áp dụng pháp luật về trách nhiệm bồi thường của Nhà nước;

- Xác định cơ quan giải quyết bồi thường trong các trường hợp: (1) trường hợp cơ quan giải quyết bồi thường đã bị giải thể mà cơ quan đã ra quyết định giải thể là Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; (2) trường hợp không có sự thống nhất về cơ quan giải quyết bồi thường;

- Hỗ trợ người bị thiệt hại thực hiện thủ tục yêu cầu bồi thường;

- Theo dõi, đôn đốc công tác BTNN; chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan thanh tra, kiểm tra công tác BTNN; giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý vi phạm trong công tác BTNN theo quy định của pháp luật;

- Hằng năm tổng kê việc thực hiện công tác BTNN báo cáo Chính phủ theo quy định;

- Yêu cầu cơ quan giải quyết bồi thường báo cáo về việc giải quyết yêu cầu bồi thường, thực hiện trách nhiệm hoàn trả và xử lý kỷ luật người thi hành công vụ trong trường hợp cần thiết;

- QLNN về hợp tác quốc tế trong công tác BTNN;

- Xây dựng, quản lý cơ sở dữ liệu về công tác BTNN;

- Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý vi phạm trong việc giải quyết bồi thường, thực hiện trách nhiệm hoàn trả theo quy định của pháp luật;

- Kiến nghị người có thẩm quyền kháng nghị bản án, quyết định của Tòa án có nội dung giải quyết bồi thường theo quy định của pháp luật; yêu cầu Thủ trưởng cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại hủy quyết định giải quyết bồi thường trong trường hợp có một trong các căn cứ quy định tại khoản 1 và điểm a khoản 3 Điều 48 của Luật TNBTCNN mà không ra quyết định hủy;

- Giúp Chính phủ phối hợp với Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao thực hiện quản lý công tác BTNN trong hoạt động tố tụng;

- Nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

(3) Trách nhiệm QLNN về công tác BTNN ở địa phương. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh là cơ quan được Luật giao thực hiện QLNN về công tác BTNN trong hoạt động quản lý hành chính, tố tụng và thi hành án tại địa phương (do Sở Tư pháp tham mưu thực hiện) và có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

- Hướng dẫn, bồi dưỡng kỹ năng, nghiệp vụ công tác BTNN;

- Xác định cơ quan giải quyết bồi thường trong các trường hợp: (1) trường hợp cơ quan giải quyết bồi

thường đã bị giải thể mà cơ quan đã ra quyết định giải thể là Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; (2) trường hợp không có sự thống nhất về cơ quan giải quyết bồi thường;

- Hướng dẫn người bị thiệt hại thực hiện thủ tục yêu cầu bồi thường trong phạm vi địa phương mình;

- Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra công tác BTNN; thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý vi phạm trong công tác BTNN;

- Hằng năm chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan tại địa phương, thống kê việc thực hiện công tác BTNN báo cáo Bộ Tư pháp theo quy định;

- Yêu cầu cơ quan giải quyết bồi thường báo cáo về việc giải quyết yêu cầu bồi thường, thực hiện trách nhiệm hoàn trả và xử lý kỷ luật người thi hành công vụ trong trường hợp cần thiết;

- Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý vi phạm trong việc giải quyết bồi thường, thực hiện trách nhiệm hoàn trả trong phạm vi do mình quản lý;

- Kiến nghị người có thẩm quyền kháng nghị bản án, quyết định của Tòa án có nội dung giải quyết bồi thường theo quy định của pháp luật; yêu cầu Thủ trưởng cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại hủy quyết định giải quyết bồi thường trong trường hợp có một trong các căn

cứ quy định tại khoản 1 và điểm a khoản 3 Điều 48 của Luật mà không ra quyết định hủy;

- Nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

b) Trách nhiệm của Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao trong công tác bồi thường nhà nước

Điều 74 Luật TNBTCNN năm 2017 quy định Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của mình có trách nhiệm:

- Phối hợp với Chính phủ thực hiện các nội dung QLNN về công tác BTNN quy định tại khoản 2 Điều 73 của Luật TNBTCNN;

- Kiểm tra, thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo về công tác BTNN theo quy định của pháp luật;

- Chỉ đạo cơ quan giải quyết bồi thường thực hiện công tác giải quyết bồi thường, xác định trách nhiệm hoàn trả, thực hiện quyết định hoàn trả, thực hiện xử lý kỷ luật theo thẩm quyền;

- Xử lý và chỉ đạo xử lý vi phạm trong việc giải quyết bồi thường, thực hiện trách nhiệm hoàn trả;

- Hằng năm hoặc theo yêu cầu của cơ quan QLNN về công tác BTNN thống kê, báo cáo Chính phủ việc thực hiện công tác BTNN;

- Chỉ đạo Tòa án nhân dân, Viện Kiểm sát nhân dân các cấp phối hợp với cơ quan có thẩm quyền QLNN thực hiện công tác BTNN;

- Trả lời, thực hiện kiến nghị của cơ quan QLNN về công tác BTNN;

- Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của Luật.

c) Trách nhiệm của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ

Điều 75 Luật TNBTCNN năm 2017 quy định các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của mình có trách nhiệm:

- Phối hợp với Bộ Tư pháp thực hiện các nội dung QLNN về công tác BTNN theo quy định tại khoản 2 Điều 73 của Luật TNBTCNN;

- Kiểm tra, thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo về công tác BTNN theo quy định của pháp luật;

- Chỉ đạo cơ quan giải quyết bồi thường thực hiện công tác giải quyết bồi thường, xác định trách nhiệm hoàn trả, thực hiện quyết định hoàn trả, thực hiện xử lý kỷ luật theo thẩm quyền;

- Xử lý và chỉ đạo xử lý vi phạm trong việc giải quyết bồi thường, thực hiện trách nhiệm hoàn trả;

- Hằng năm hoặc theo yêu cầu của cơ quan QLNN về công tác BTNN thống kê, báo cáo việc thực hiện công tác BTNN;

- Trả lời, thực hiện kiến nghị của cơ quan QLNN về công tác BTNN;

- Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của Luật. ■

Tài liệu trích dẫn

(1) Bộ Tư pháp, *Tờ trình số 37/TTr-BTP ngày 17/07/2008 trình Chính phủ dự án Luật Bồi thường Nhà nước*, trang 8; Chính phủ, *Tờ trình số 112/TTr-CP ngày 15/08/2008 trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội dự án Luật Bồi thường Nhà nước*, trang 8; Chính phủ, *Tờ trình số 161/TTr-CP ngày 13/10/2008 trình Quốc hội dự án Luật BTNN*, trang 7.

(2) Ủy ban Pháp luật của Quốc hội khóa XII, *Báo cáo số 472/BC-UBPL12 ngày 19/09/2008 thẩm tra về dự án Luật Bồi thường Nhà nước*, trang 9; Ủy ban Pháp luật của Quốc hội khóa XII, *Báo cáo số 530/BC-UBPL12 ngày 22/10/2008 thẩm tra về dự án Luật Bồi thường Nhà nước*, trang 7-8.

(3) Bộ Tư pháp, *Công văn số 564/BTP-PLDSKT ngày 27/02/2009 gửi Ủy ban Pháp luật của Quốc hội về việc góp ý nội dung Dự thảo Luật Bồi thường Nhà nước chính lý*, trang 5-6.

(4) Cục Bồi thường nhà nước (2014), Nguyễn Thanh Tịnh (chủ biên), *Cẩm nang hướng dẫn nghiệp vụ quản lý nhà nước về công tác bồi thường nhà nước*, Nxb Tư pháp 2014, trang 21.

(5) Bộ Tư pháp, (2016), *Báo cáo số 181/BC-BTP ngày 15/07/2016 về Tổng kết 06 năm thi hành Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước*, trang 11-12.

(6) Bộ Tư pháp, (2016), *Báo cáo số 181/BC-BTP ngày 15/07/2016, tldđ*, trang 14.

(7) Cục Bồi thường nhà nước (2017), *Những nội dung cơ bản của Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2017*, Nguyễn Văn Bốn (chủ biên), NXB Công an nhân dân, Hà Nội, 2017, trang 166.

(8) Chính phủ; các Bộ, cơ quan ngang bộ; Tòa án nhân dân tối cao; Viện kiểm sát nhân dân tối cao; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện.